

Số: **34** /2019/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 05 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Đình T, sinh năm 1982; trú tại: T6, thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ tạm trú: Thôn B, xã AN, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: Chị Hoàng Thị Diễm H, sinh năm 1984; trú tại: T6, thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: T5, thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 59, 62, 73, 75, 76, 77, 81, 82, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Đình T với chị Hoàng Thị Diễm H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Gia L, sinh ngày 10-8-2009 cho chị Hoàng Thị Diễm H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Anh Trần Đình T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ khi ly hôn đến khi cháu Linh thành niên.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản:

- Công nhận thỏa thuận phân chia tài sản chung là thửa đất ở số 01b, tờ bản đồ 32, diện tích 106,0m², tọa lạc tại địa chỉ C6 (nay là T6), thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Ủy ban nhân dân huyện AL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 16xxxx ngày 16-8-2010, trị giá 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) về giá trị cho anh Trần Đình T là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), cho chị Hoàng Thị Diễm H là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Giao anh Trần Đình T quyền sử dụng thửa đất số 01b, tờ bản đồ 32, diện tích 106,0m², tọa lạc tại địa chỉ C6 (nay là T6), thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Ủy ban nhân dân huyện AL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 16xxxx ngày 16-8-2010.

Anh Trần Đình T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được chia cho chị Hoàng Thị Diễm H nhận số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị Diễm H thống nhất tặng cho cháu Trần Hoàng Gia L, sinh ngày 10-8-2009 số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), phần của mỗi người 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) được trích từ số tiền sau khi phân chia tài sản chung để lập sổ tiết kiệm cho cháu L; chị H là người đại diện cho cháu L đến khi cháu Linh đủ điều kiện quản lý thì có nghĩa vụ bàn giao lại cho cháu L.

2.3. Về nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Trần Đình T chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí chia tài sản là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 6.550.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/0042xx ngày 12-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoàn trả lại cho anh T 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị Hoàng Thị Diễm H phải chịu án phí chia tài sản là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Trần Đình T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A Lưới;
- UBND xã ST;
- (ĐKKH số xx ngày dd-mm-2008)
- Lưu hồ sơ, HNGĐ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Trường